

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DSST
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Ông Nguyễn Sự;

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Châm - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 15 và 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLDS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2018/QĐXX- DS ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1964.

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm 1, S, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh .

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987(Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 78 ngõ D, khu 4, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Biện Thị D, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1958

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu S, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971.(Xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: F, khu K, Thị xã D, tỉnh Bắc Ninh.

4. Văn phòng Công chứng C.

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thu H – Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: 362 E, phường C, thị xã X, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 10/02/2018, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M, bà Vũ Thị H có nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, trú tại khu phố F, phường K, thị xã D, tỉnh Bắc Ninh nhà và đất trên thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m², trên đất có nhà cấp 3 tại Khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 458273, số vào sổ H0 2658 mang tên chủ sử dụng bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông M, bà H với bà K được lập ngày 10/02/2018, tại Văn phòng công chứng C, thị xã D, tỉnh Bắc Ninh.

Ngay sau khi các bên ký kết hợp đồng, ông M và bà H đã thanh toán đầy đủ tiền cho bà H và tiến hành làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/03/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh đã xác nhận việc chuyển nhượng này tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho vợ chồng ông M, bà H.

Sau đó vợ chồng ông M, bà H đến thực hiện quyền quản lý sử dụng ngôi nhà và thửa đất nói trên thì được biết bà Biện Thị D (là chủ sử dụng cũ) đang sinh sống trên nhà đất của vợ chồng ông. Ông M, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà D chuyển đi chỗ khác để trả nhà cho ông M, bà H nhưng bà D nhất quyết không trả, vụ việc đã được UBND phường C hòa giải nhưng không hòa giải được.

Ngày 17/05/2018, vợ chồng ông M, bà H đã yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại Kinh Bắc lập Vi bằng xác nhận sự việc chiếm dụng nhà đất của bà D nhưng

đến nay, bà Biện Thị D vẫn ngang nhiên sinh sống trên ngôi nhà và thửa đất của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M, bà Vũ Thị H.

Việc bà Biện Thị D được chủ cũ là bà K cho ở nhờ trên nhà đất của vợ chồng ông M, bà H đã lâu, nay phía nguyên đơn có nhu cầu sử dụng cần lấy lại nhà, đã thông báo trước 1 khoảng thời gian hợp lý để bà D sắp xếp nơi ở mới nhưng bà D vẫn không trả nhà cho vợ chồng ông M, bà H, nên ngày 16/7/2018, vợ chồng ông M, bà H đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh. Tại phiên tòa, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà đề nghị Tòa án xử buộc bà Biện Thị D trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M, bà Vũ Thị H nhà và đất trên thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 50,1m² tại khu B - phường C - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh.

Phía bị đơn bà Biện Thị D trình bày: Từ năm 2009 đến nay, bà sinh sống ổn định tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m² tại địa chỉ khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà và thuộc quyền sở hữu bà.

Lý do có việc chuyển nhượng sang tên cho bà K, bà D cho rằng ngày 15/7/2012, vợ chồng ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị L là chỗ thân quen với gia đình bà đã đến nhà bà hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đã cho vợ chồng ông C bà L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà, cụ thể giấy chứng nhận số AP 458273, thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m² tại địa chỉ khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh, do chỉ là cho mượn giấy chứng nhận nên bà vẫn ở ổn định trên nhà và đất. Mục đích ông C, bà L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là để thế chấp vay số tiền 500.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị K ở K, thị xã D, tỉnh Bắc Ninh. Khi mượn ông C có viết giấy mượn và thỏa thuận thời gian sau 3 tháng (kể từ ngày 12/7/2012) sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, giấy mượn có xác nhận của UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi ông C viết giấy mượn thì bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C.

Ngày 18/7/2012, ông C gọi bà đến nhà ông C. Tại gia đình ông C có bà, vợ chồng ông C và bà H là công chứng viên của Văn phòng Công chứng Công Thành, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông C nói với bà H là bà K đồng ý cho ông C vay tiền với điều kiện bà (D) phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà cho bà K thì bà K mới giao tiền cho ông C vay và ông C có nói việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này chỉ với mục đích hợp lý hóa việc ông C vay tiền của bà K theo hình thức vay lãi ngày chứ thực chất không phải bà K mua đất của bà và bà cũng không bán đất cho bà K. Bà không gặp bà K bao giờ và không biết bà K là ai.

Do tin tưởng vợ chồng ông C nên bà đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K (theo bà mục đích ký là để hợp lý hóa việc bà K cho ông C vay tiền) và chiều ngày 18/7/2012, ông C có cầm giấy viết sẵn về việc bà ủy quyền cho ông C nhận tiền của bà K, bà có ký vào giấy ủy quyền cho ông C nhận tiền từ bà K nhưng bà không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông C hay bà K.

Đến hạn 3 tháng phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C không trả được tiền cho bà K và cũng không lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để trả cho bà. Sau đó bà K liên tục cho người đến đòi bà phải trả nhà và bà đã phải làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an nhờ giúp đỡ.

Khi Công an đang điều tra và giải quyết vụ việc thì bà được biết ngày 04/8/2014 bà K đã sang tên nhà đất của bà mang tên bà Nguyễn Thị K. Mặc dù bà đã làm đơn trình báo tới các cơ quan có thẩm quyền cụ thể như UBND phường C, Phòng Tài nguyên môi trường Thành phố nhưng phòng Tài nguyên vẫn sang tên đất của bà cho bà K.

Ngày 01/3/2018 bà K lại tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhà của bà cho ông M và bà H. Từ ngày 12/3/2018 đến nay ông M và bà H liên tục cho người đến đòi nhà. Bà đã trình báo lên các cơ quan chức năng để nhờ giúp đỡ và đều nhận được đơn trả lời. Nay quan điểm của bà là do không hiểu biết pháp luật nên bà đã cho ông C và bà L mượn nhà đất để thế chấp vay tiền nhưng bà xác định chỉ cho mượn trong thời hạn 03 tháng nhưng ông C bà L vì làm ăn

thua lỗ nên không trả được tiền cho bà K nên cũng không lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để trả cho bà. Do vậy bà không đồng ý với việc đòi nhà của phía nguyên đơn là ông M và bà Hà. Bà không có yêu cầu phản tố. Bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện xem xét thực tế vụ việc cho bà về việc bà không bán nhà cho bà K.

Ngoài việc không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đối với lời khai của ông Nguyễn Đình C, bà xác định lời khai của ông C là sai, tại cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh, ông C hứa với bên công an là thời gian 02 năm sẽ trả cho bà sổ đỏ và tạm thời mỗi tháng ông C trích 03 triệu đồng đưa cho bà giữ hộ làm tin nhưng thực tế ông C cũng không giao sổ cho bà, thỉnh thoảng có mang tiền đến nhờ bà giữ hộ nhưng đến nay ông C chưa trả hết số tiền đã vay, bà mới giữ được của ông C khoảng 130.000.000 đồng và bà đã cung cấp giấy biên nhận về việc ông C mượn giấy chứng nhận của bà do ông C viết.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà K, bà xác nhận chữ ký trong hợp đồng là chữ ký của bà nhưng là ký để hợp lý hóa cho ông C vay tiền của bà K chứ không phải ký để bán đất cho bà K.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình C trình bày: Tại phiên tòa, ông đại diện cho vợ ông là Nguyễn Thị L được trình bày tại Tòa án. Năm 2012 ông có mượn của bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay của bà K ở khu K, thị xã D số tiền 500.000.000 đồng. Nhưng vì bà K không tin tưởng ông nên bà K có nói phải ký hợp đồng chuyển nhượng thì bà K mới cho ông vay. Sau đó giữa bà D và bà K có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất trên thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m² tại địa chỉ khu B, phường K, thành phố Bắc Ninh, mang tên chủ sở hữu là bà Biện Thị D. Hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực của Văn Phòng Công chứng C. Việc ký vào hợp đồng chuyển nhượng là do bà D trực tiếp ký, khi bà D ký có cả ông ở đó chứng kiến. Sau khi ký thì bà D có làm giấy ủy quyền cho ông nhận tiền từ bà K. Sau khi nhận được tiền từ bà K, ông có mang về đưa cho bà D. Tại đây ông có viết giấy nhận nợ với bà D số tiền 500.000.000 đồng với mục đích

vay để kinh doanh, sau này do việc làm ăn gặp khó khăn nên ông chưa trả được tiền cho bà D thì bà D làm đơn tố cáo ông đến cơ quan Công an. Tại cơ quan Công an, ông và bà D thỏa thuận mỗi tháng ông trích tiền lương số tiền từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng để trả cho bà D nên bà D tự nguyện rút đơn tại Công an về. Nay ông M và bà Hà khởi kiện bà D, ông không biết ông M và bà H là ai, ông xác định không liên quan đến bà K vì ông không vay bà K. Việc bà K bảo bà D ký toàn bộ giấy tờ với mục đích nhận của bà K số tiền 500.000.000 đồng để cho ông vay, nay ông xác định đã trả cho bà D khoảng 143.000.000 đồng và còn nợ lại bà D một khoản tiền nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin được trả dần.

Người liên quan là bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các lời khai bà cho rằng: Do có quan hệ xã hội nên bà có quen ông Nguyễn Đình C. Ông C có nói với bà muốn bán một lô đất hộ người bạn ở Bắc Ninh. Bà đồng ý mua và sau đó các bên có ra Văn phòng công chứng C làm thủ tục sang tên chuyển nhượng thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m² tại khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, nhà đất mang tên bà Biện Thị D. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng bà D trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng sau đó bà D ký ủy quyền cho ông C nhận tiền chuyển nhượng từ bà. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng và thanh toán tiền xong, ngày 04/8/2014 bà ra Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bắc Ninh làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà. Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 12/3/2018 bà đã bán thửa đất trên cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H ở Thị trấn H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Ông M và bà H khởi kiện bà D, bà xác định thửa đất này bà mua hợp pháp của bà D và bà đã được đứng tên, nay bà đã bán lại cho ông M và bà H, việc chuyển nhượng đúng theo quy định của pháp luật nên bà xác định không liên quan đến vụ án và từ chối tham gia tố tụng.

Đại diện Văn phòng công chứng C bà Ngô Thị Thu H, vắng mặt xong tại biên bản làm việc bà xác định năm 2012 tại Văn phòng Công chứng C thì bà Biện Thị D có làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 304, tờ bản

đồ số 3, diện tích 50,1m² tại địa chỉ khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh cho bà Nguyễn Thị K. Việc sang tên chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng các bên hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến kiểm sát việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166, Điều 221 và Điều 223 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Biện Thị D phải trả cho nguyên đơn là ông M, bà H toàn bộ nhà đất nằm trên thửa đất số 304, tờ bản đồ số 03 diện tích 50,1m² tại khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Biện Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết:

Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16/7/2018 ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H nộp đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 189 và Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu hợp lệ đối với các đương sự. Phía nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H có ủy quyền toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Đ tham gia vụ kiện (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/7/2018) do vậy HĐXX xử vắng mặt ông M và bà H là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Xét về nguồn gốc nhà và đất trên thửa đất số 304 tờ bản đồ số 3 diện tích 50,1m² tại khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh là do bà Biện Thị D mua của ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Minh T vào ngày 29/11/2009. Sau khi mua đất bà D làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ở ổn định trên thửa đất.

Năm 2012, là chỗ quan hệ quen biết với bà D nên ông Nguyễn Đình C có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Biện Thị D để làm thủ tục thế chấp vay tiền của bà K.

Ngày 18/7/2012, bà Biện Thị D ký vào hợp đồng sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất đối với thửa đất số 304 tờ bản đồ số 3 diện tích 50,1m² tại khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh cho bà Nguyễn Thị K tại Văn phòng Công chứng C.

Do hai bên có phát sinh tranh chấp và có đơn từ về việc chuyển nhượng nhưng sau đó bà D có rút đơn tại Cơ quan điều tra nên ngày 04/8/2014 thì nhà và đất trên được chuyển tên sử dụng mang tên bà Nguyễn Thị K ở, thị xã X, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 12/3/2018, do không có nhu cầu sử dụng nên bà Nguyễn Thị K đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H. Hợp đồng chuyển nhượng được thông qua Văn phòng Công chứng C sau đó ông M và bà H làm thủ tục chuyển tên tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18/7/2012, tại văn phòng công chứng C, bà Biện Thị D là người có năng lực trách nhiệm hành vi dân sự và bà có đủ nhận thức nhưng tự ý ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mình sang

cho người khác. Hợp đồng có chứng thực và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký chuyển nhượng có việc giao tiền từ bà K cho ông C (bà D là người ký giấy ủy quyền cho Ông C nhận tiền từ bà K).

Thửa đất tranh chấp hiện bà K đã chuyển nhượng cho ông M và bà H tại Văn phòng Công chứng C. Hội đồng xét xử đã tiến hành xác minh tại Văn phòng Công chứng C cũng như Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc ninh xác định đã có sự giao dịch và chuyển nhượng, nhà đất đang tranh chấp đã được đứng tên ông M và bà Hà từ 12/3/2018, việc chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy xác định thửa đất tranh chấp thuộc sở hữu hợp pháp mang tên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ đề nghị bà Biện Thị D phải trả nhà đất cho ông M và bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào sự phân tích ở trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận. Do vậy cần buộc bà Biện Thị D phải trả cho ông M, bà H căn nhà và đất có diện tích 50,1m² tại khu B, phường, thành phố Bắc Ninh là phù hợp.

Đối với việc ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị L vay tiền của bà Biện Thị D. Hội đồng xét xử thấy sau khi bà D ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà K thì giữa bà D và ông C xác lập hợp đồng vay tài sản (thể hiện bằng lời khai ông C cầm của bà D số tiền 500.000.000 đồng và hàng tháng ông C vẫn trích trả 1 phần tiền lương cho bà D, các bên đều xác nhận bà D hiện cầm của ông C 1 số tiền. Xác định các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do vậy HĐXX không xem xét, nếu bà D có yêu cầu ông C bà L trả số tiền còn lại thì bà D khởi kiện ông C bà L bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bà Biện Thị D phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí định xem xét thẩm định tài sản. Xác nhận số tiền này nguyên đơn đã nộp, do vậy bà Biện Thị D phải thanh toán cho oogn M bà H số tiền này.

Về án phí DSST: Bà Biện Thị D cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà nhưng HĐXX xác định nhà đất hiện nay thuộc quyền sở hữu của ông M và bà H và buộc bà phải trả lại tài sản cho ông M và bà H, do Tòa án không xem xét giá trị sử dụng mà chỉ xem xét đến quyền sở hữu tài sản do vậy căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định thì bà D phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 221 và Điều 223 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 220, 228, 235, 262, 264, 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban TK vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H.

Buộc bà Biện Thị D phải trả cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H quyền sử dụng nhà và đất trên thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 50,1m² tại khu B, phường C, thành phố Bắc Ninh mang tên ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H.

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bà Biện Thị D phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản. Xác định số tiền này nguyên đơn đã nộp do vậy bà D phải có trách nhiệm thanh toán cho ông M và bà H số tiền 4.000.000 đồng.

Về án phí dân sự: Bà Biện Thị D phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ông Nguyễn Ngọc M và bà Vũ Thị H 10.012.000 (Mười triệu không trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0004883 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

